TOÀ ÁN NHÂN DÂN **THÀNH PHỐ BG** **TỈNH BG**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc Lập - Tự Do - Hạnh Phúc**

Bản án số: **129**/2022/HS-ST
Ngày 12 tháng 8 năm 2022

NHÂN DA

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ BG

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà: Bà Nguyễn Thị Thu Hằng

Các hội thẩm nhân dân: Ông Nguyễn Văn Bảng và bà Nguyễn Thị Biên

Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Thu Trang - Thư ký Toà án nhân dân thành phố BG, tỉnh BG.

***Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố BG tham gia phiên tòa*:** Ông Nguyễn Ngọc Cường - Kiểm sát viên

Ngày 12 tháng 8 năm 2022, tại điểm cầu trung tâm trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh BG và điểm cầu thành phần Trại tạm giam công an tỉnh BG, Tòa án nhân dân thành phố BG xét xử sơ thẩm T tuyến công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số 130/2022/TLST-HS ngày 25/7/2022 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 135/2022/QĐXXST-HS ngày 01/8/2022 đối với bị cáo: **Nguyễn Thái T**, sinh năm 1978

HKTT: Tổ 7, phường NQ, thành phố BG, tỉnh BG

Nơi cư trú: Tổ dân phố Sơn Tý, phường XG, thành phố BG, tỉnh BG

Nghề nghiệp tự do; văn hóa 12/12; quốc tịch Việt Nam; dân tộc Kinh; tôn giáo: không; con ông Nguyễn Thái T, sinh năm 1941 (đã chết) và bà Lê Thị Q, sinh năm 1949; vợ là Đinh Thị HA, sinh năm 1981 (đã ly hôn); có 02 con; tiền án, tiền sự: không; nhân thân: tại bản án hình sự số 01/2022/HS-ST ngày 14/01/2022, Tòa án nhân dân huyện HL, tỉnh LS xử phạt 03 năm tù cho hưởng án treo về tội "Đánh bạc", thời gian thử thách 05 năm kể từ ngày tuyên án sơ thẩm (thực hiện hành vi phạm tội ngày 21/01/2021) và bị Công an phường NQ xử phạt vi phạm hành chính về hành vi đánh bạc ngày 26/7/2011; Bị cáo đầu thú, bị tạm giữ, tạm giam từ ngày 08/02/2022, hiện đang bị tạm giam tại Trại tạm giam Công an tỉnh BG. *(Có mặt)*

**** Bị hại:*** Ông Nguyễn Trung A, sinh năm 1966 *(Có mặt)*

Địa chỉ: Tổ 4, phường TX, thành phố BG, tỉnh BG

**** Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan:***

- A Hoàng Văn T, sinh năm 1985 *(Vắng mặt)*

Địa chỉ: Thôn Chi Lễ, xã MT, huyện LG, tỉnh BG

- Chị Mạc Thị H, sinh năm 1996 *(Vắng mặt)*

Địa chỉ: Thôn Cây Sơn, xã LS, thành phố TN, tỉnh TN

- A Phạm Ngọc B, sinh năm 1982 *(Vắng mặt)*

- Chị Lý Thị H, sinh năm 1982 *(Vắng mặt)*

Địa chỉ: Thôn Chi Lễ, xã MT, huyện LG, tỉnh BG

- Chị Nguyễn Thị Y, sinh năm 1972 *(Có mặt)*

Địa chỉ: Số nhà 76, đường HVT, phường HVT, thành phố BG, tỉnh BG

- Chị Dương ThA N, sinh năm 1979 *(Có mặt)*

Địa chỉ: Tổ dân phố Sơn Tý, phường XG, thành phố BG, tỉnh BG

- Chị Nguyễn Thị H, sinh năm 1976 *(Có mặt)*

Địa chỉ: Số nhà 140, đường Nguyễn Thị Lưu, phường NQ, thành phố BG, tỉnh BG

**Người làm chứng:*

- Chị Hoàng Thị T, sinh năm 1983 *(Vắng mặt)*

Địa chỉ: Khu Na Đâu, thị trấn HL, huyện HL, tỉnh LS

- Ông Nguyễn Minh C, sinh năm 1973 *(Vắng mặt)*

Địa chỉ: Khu Tân Hoàng, thị trấn HL, huyện HL, tỉnh LS

- A Đặng Quốc H, sinh năm 1985 *(Vắng mặt)*

Địa chỉ: Thôn Tân Na, xã NT, huyện HL, tỉnh LS

- Ông Nguyễn Bá N, sinh năm 1965 *(Vắng mặt)*

Địa chỉ: Số nhà 196, đường Nguyễn Thị Minh Khai, phường NQ, thành phố BG, tỉnh BG *(Vắng mặt)*

- A Nguyễn Văn H, sinh năm 1985 *(Vắng mặt)*

Địa chỉ: Tổ dân phố Minh Phượng, thị trấn NB, huyện YD, tỉnh BG.

- A Nguyễn Văn Ánh, sinh năm 1977*(Vắng mặt)*

Địa chỉ: Kiốt 05, chợ Neo, thị trấn NB, huyện YD, tỉnh BG

NỘI DUNG VỤ ÁN

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau: Nguyễn Thái T có mối quan hệ quen biết với ông Nguyễn Trung A. Khoảng tháng 10/2021, T hỏi mượn chiếc xe ô tô nhãn hiệu Toyota Innova, biển kiểm soát 98A-040.96 của ông A để đi lại trong vài ngày và được ông A đồng ý. Ngày 16/10/2021, ông A điều khiển xe ô tô trên đến nhà T giao cho T cùng giấy tờ xe, T nhận xe cùng giấy tờ và hẹn sau một tuần sẽ trả xe. Sau đó, T có nhu cầu tiếp tục sử dụng xe nên đề nghị với ông A sẽ trả tiền thuê xe là 300.000 đồng/ngày thì được ông A đồng ý. Do quen biết nhau nên hai bên không làm hợp đồng thuê xe, sau đó T đã thA toán cho ông A số tiền thuê xe là 16.000.000 đồng. Đến tháng 11/2021, T nảy sinh ý định mang chiếc xe ô tô trên của ông A đi cầm cố nên nói với ông A nhưng ông A không đồng ý. Do cần tiền chi tiêu cá nhân, T tự ý mang chiếc xe ô tô biển kiểm soát 98A-040.96 đến

nhà A Phạm Ngọc B đặt vấn đề vay 50.000.000 đồng và để lại chiếc xe ô tô trên làm tin thì A B đồng ý. Lúc này, A B không ở nhà nên đã gọi điện thoại nhờ Hoàng Văn T ở cùng thôn cầm tiền đến giao cho T vay. A T đồng ý rồi đi đến nhà A B, tại đây T đưa cho T 50.000.000 đồng và được T giao cho chiếc xe ô tô biển kiểm soát 98A-040.96 cùng giấy tờ xe. Khoảng 10 ngày sau, A B đến nhà T yêu cầu T ký vào một tờ giấy bán xe theo mẫu in sẵn sau đó A B tự ghi thông tin xe ô tô 98A-040.96 vào giấy bán xe này. Theo T khai số tiền có được từ việc cắm chiếc xe ô tô trên T đã sử dụng để mua thuốc chữa bệnh và chi tiêu cá nhân hết. Ông Nguyễn Trung A sau khi biết việc T mang xe đi cầm cố đã nhiều lần yêu cầu T trả xe nhưng T không có tiền chuộc xe nên chưa trả được xe cho ông A.

Buổi tối ngày 07/02/2022, A T hỏi mượn A B chiếc xe ô tô biển kiểm soát 98A-040.96 để đi việc cá nhân. A T điều khiển xe đi đến nhà nghỉ An Bình 1 ở số 01, đường Nguyễn Thị Lưu 8, phường NQ, thành phố BG gặp bạn là chị Mạc Thị Huyền và thuê phòng nghỉ tại đây. Đến ngày 08/02/2022, ông Nguyễn Trung A phát hiện chiếc xe trên đang đỗ tại nhà nghỉ An Bình 1 nên đã có đơn trình báo Công an thành phố BG. Cùng ngày, A T giao nộp 01 chiếc xe ô tô nhãn hiệu Toyota Innova, biển kiểm soát 98A-040.96. A B giao nộp 01 "giấy bán (cho, tặng) xe ô tô, xe máy" theo mẫu in sẵn trên khổ giấy A4, trên giấy có chữ viết bằng bút mực xA, có chữ ký và chữ viết mang tên Nguyễn Thái T; 01 biên lai thu tiền phí sử dụng đường bộ; 01 giấy chứng nhận kiểm định; 01 giấy chứng nhận bảo hiểm bắt buộc trách nhiệm dân sự của ô tô; 01 giấy chứng nhận đăng ký xe ô tô biển kiểm soát 98A-040.96 mang tên Nguyễn Văn Ánh còn Nguyễn Thái T đến Công an thành phố BG đầu thú và khai nhận hành vi phạm tội như trên.

Tại Kết luận định giá tài sản số 21/KL-HĐĐG ngày 10/02/2022 của Hội đồng định giá tài sản trong Tố tụng hình sự thành phố BG kết luận: 01 chiếc xe ô tô nhãn hiệu Toyota Innova, biển kiểm soát 98A-040.96, màu sơn trắng, sản xuất năm 2007, đã qua sử dụng, trị giá tại thời điểm tháng 11/2021 là 120.000.000 đồng.

Cơ quan điều tra đã trưng cầu giám định chữ ký, chữ viết của Nguyễn Thái T trên giấy bán xe do A B giao nộp. Kết luận giám định số 273/KL-KTHS ngày 15/02/2022 của Phòng Kỹ thuật hình sự Công an tỉnh BG kết luận: "Chữ ký, chữ viết mang tên Nguyễn Thái T dưới mục "CHỦ BÁN (CHO, TẶNG)-(Ký và ghi rõ họ tên)" trên tài liệu cần giám định (ký hiệu A) so với chữ ký, chữ viết của Nguyễn Thái T trên các tài liệu mẫu (ký hiệu M1, M2, M3) là do cùng một người ký, viết ra".

Tại Cơ quan điều tra, Nguyễn Thái T đã khai nhận hành vi phạm tội.

Tại Bản cáo trạng số 131/CT-VKS ngày 22/7/2022, Viện kiểm sát nhân dân thành phố BG đã truy tố Nguyễn Thái T về tội *"Lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản"* theo điểm c khoản 2 Điều 175 của Bộ luật Hình sự.

Tại phiên tòa, bị cáo khai nhận toàn bộ diễn biến hành vi phạm tội như Cáo trạng đã nêu. Ông Nguyễn Trung A nhất trí với lời khai của bị cáo, ông đã được nhận lại chiếc xe ô tô nhãn hiệu Toyota Innova, biển kiểm soát 98A-040.96; nay ông không yêu cầu bị cáo phải bồi thường gì và đề nghị Hội đồng xét xử giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo. Chị Nguyễn Thị Y, Nguyễn Thị H đều nhất trí với lời khai của bị cáo và xác định bị cáo đã tác động các chị bồi thường giúp bị cáo, trả cho A B đủ số tiền 50.000.000 đồng, trong đó chị Yến trả số tiền 30.000.000 đồng, chị Hồng trả số tiền 20.000.000 đồng, nay các chị đều không yêu cầu bị cáo phải trả lại số tiền này. Chị Dương ThA N nhất trí với lời khai của bị cáo, không có ý kiến hay yêu cầu gì khác. Hội đồng xét xử công bố lời khai của những người vắng mặt và các tài liệu, chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án. Không ai có ý kiến gì.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố BG giữ nguyên quan điểm truy tố và đề nghị Hội đồng xét xử: Tuyên bố bị cáo Nguyễn Thái T phạm tội *"Lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản"*; áp dụng điểm c khoản 2 Điều 175, điểm b, s khoản 1 và khoản 2 Điều 51, Điều 38 của Bộ luật Hình sự xử phạt bị cáo Nguyễn Thái T từ 24 tháng tù đến 27 tháng tù, thời hạn tù tính từ ngày 08/02/2022. Không áp dụng hình phạt bổ sung bằng tiền đối với bị cáo; áp dụng khoản 2 Điều 136 của Bộ luật Tố tụng hình sự, Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội buộc bị cáo phải chịu 200.000 đồng án phí hình sự sơ thẩm.

Bị cáo nhất trí với bản luận tội của Kiểm sát viên, không trA luận gì. Ông Trung A, chị Y, chị H, chị N không ai có ý kiến gì. Trước khi Hội đồng xét xử vào nghị án, bị cáo nói lời sau cùng: Bị cáo đã nhận thức được hành vi phạm tội của bản thân nên rất hối hận, bị cáo xin lỗi bị hại và mong Hội đồng xét xử giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được trA tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về người tham gia tố tụng: Hội đồng xét xử đưa chị Nguyễn Thị H vào tham gia tố tụng với tư cách là người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan trong vụ án vì sau khi có Quyết định đưa vụ án ra xét xử, chị H đứng ra bồi thường giúp bị cáo T số tiền 20.000.000 đồng cho A Phạm Ngọc B và nộp cho Tòa án bản gốc giấy biên nhận tiền đề ngày 02/8/2022.

[2] Quá trình điều tra, truy tố, Cơ quan điều tra Công an thành phố BG và Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân thành phố BG và Kiểm sát viên đã thực

hiện đúng trình tự, thủ tục, nhiệm vụ, thẩm quyền theo quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Đến nay, không ai có ý kiến hay khiếu nại gì. Do đó, Hội đồng xét xử có cơ sở nhận định các hành vi, quyết định tố tụng của các cơ quan tiến hành tố tụng và người tiến hành tố tụng đã thực hiện trong vụ án là hợp pháp.

[3] Tại phiên tòa một số người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan, người làm chứng vắng mặt nhưng đã có đầy đủ lời khai trong hồ sơ vụ án, sự vắng mặt của họ không gây trở ngại cho việc xét xử vụ án, căn cứ Điều 292, Điều 293 của Bộ luật Tố tụng hình sự, Hội đồng xét xử quyết định xét xử vắng mặt những người trên.

[4] Lời khai nhận tội của bị cáo tại phiên tòa phù hợp với lời khai của bị cáo tại cơ quan điều tra, phù hợp với lời khai của bị hại, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan, người làm chứng cùng các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên toà. Căn cứ vào kết quả trA luận, trên cơ sở xem xét khách quan, đầy đủ, toàn diện nội dung vụ án, Hội đồng xét xử có đủ cơ sở kết luận: Tháng 10/2021, Nguyễn Thái T thuê 01 chiếc xe ô tô nhãn hiệu Toyota Innova, biển kiểm soát 98A-040.96, màu sơn trắng, trị giá 120.000.000 đồng của ông Nguyễn Trung A để đi lại. Đến tháng 11/2021, T cầm cố chiếc xe trên cho A Phạm Ngọc B lấy số tiền 50.000.000 đồng để chi tiêu cá nhân dẫn đến không có khả năng trả lại tài sản. Cơ quan điều tra đã thu hồi chiếc xe ô tô trả lại cho bị hại. Quá trình điều tra, truy tố đã chứng minh được tại thời điểm thực hiện hành vi phạm tội, bị cáo có đầy đủ năng lực nhận thức, năng lực hành vi và tuổi chịu trách nhiệm hình sự nên bị cáo phải hoàn toàn chịu trách nhiệm về hành vi của mình. Hành vi của bị cáo đã đủ yếu tố cấu thành tội *"Lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản"* được quy định tại điểm c khoản 2 Điều 175 của Bộ luật Hình sự, Viện kiểm sát nhân dân thành phố BG truy tố bị cáo về tội dA và điều khoản trên là có căn cứ pháp luật.

[5] Tuy nhiên, khi quyết định hình phạt cần xem xét các vấn đề sau:

[5.1] Về tính chất, mức độ, hậu quả của hành vi phạm tội: Hành vi phạm tội của bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, bị cáo đã lợi dụng sự tin tưởng của người quen để chiếm đoạt tài sản, xâm phạm đến quyền sở hữu hợp pháp về tài sản của công dân được pháp luật bảo vệ thể hiện bị cáo là con người liều lĩnh, mA động và coi thường pháp luật nhất. Hiện nay, loại tội này đang có chiều hướng gia tăng đã gây ảnh hưởng xấu đến tình hình trật tự trị an tại địa phương và gây tâm lý hoang mang, lo lắng trong quần chúng nhân dân.

5.2] Xét về nhân thân: Tại bản án hình sự sơ thẩm số 01/2022/HS-ST, ngày 14/01/2022, Tòa án nhân dân huyện HL, tỉnh LS xử phạt bị cáo 03 năm tù cho hưởng án treo về tội "Đánh bạc", thời gian thử thách 05 năm kể từ ngày tuyên án sơ thẩm, bị cáo không kháng cáo. Theo quy định tại Điều 55, Điều 56 của Bộ luật Hình sự; khoản 2 Điều 7 Nghị Quyết số 02/2018/NQ-HĐTP ngày 15/5/2018 hướng dẫn áp dụng Điều 65 của Bộ luật Hình sự, Hội đồng xét xử không tổng

hợp hình phạt của bản án trên đối với bị cáo trong vụ án này. Như vậy, bị cáo không có tiền án, tiền sự nhưng về nhân thân bị cáo đã 01 lần bị xét xử về hình sự và 01 lần bị xử phạt vi phạm hành chính về hành vi đánh bạc.

[5.3] Xét về tình tiết tăng nặng: Bị cáo không phải chịu tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự nào theo Điều 52 của Bộ luật Hình sự.

[5.4] Xét về tình tiết giảm nhẹ: Bị cáo được hưởng các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại điểm b, s khoản 1 và khoản 2 Điều 51 của Bộ luật Hình sự bởi quá trình điều tra, truy tố và tại phiên tòa hôm nay, bị cáo có thái độ khai báo thành khẩn, tỏ ra ăn năn hối cải về hành vi phạm tội của bản thân; sau khi phạm tội bị cáo đã ra đầu thú; bị cáo đã khắc phục hậu quả, bồi thường cho bị hại, người liên quan và được bị hại xin giảm nhẹ trách nhiệm hình sự; mặt khác bị cáo từng có thời gian phục vụ trong quân ngũ và có mẹ đẻ là bà Lê Thị Quang được tặng thưởng Huân chương kháng chiến.

Từ tính chất, mức độ, hậu quả của hành vi phạm tội, tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự nêu trên của bị cáo, Hội đồng xét xử thấy cần thiết phải áp dụng hình phạt tù có thời hạn đối với bị cáo đồng thời cách ly bị cáo ra khỏi đời sống xã hội một thời gian mới đảm bảo sự nghiêm minh của pháp luật, giúp giáo dục, cải tạo bị cáo trở thành công dân biết tuân thủ pháp luật đồng thời răn đe, phòng ngừa tội phạm chung cho xã hội. Tuy nhiên, Hội đồng xét xử thấy bị cáo có nhiều tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự nên sẽ cân nhắc giảm nhẹ một phần hình phạt cho bị cáo khi lượng hình để bị cáo thấy được sự khoan hồng của Nhà nước và pháp luật mà yên tâm cải tạo.

[6] Về hình phạt bổ sung:bị hại đã được nhận lại tài sản, người liên quan đã được bị cáo bồi thường; bị cáo không có công việc ổn định nay đã ly hôn, bản thân bệnh tật lại đang nuôi hai con nhỏ và mẹ già; sau khi ra đầu thú lại bị tạm giam nên Hội đồng xét xử thấy không cần phải áp dụng hình phạt bổ sung bằng tiền đối với bị cáo theo quy định tại khoản 5 Điều 175 của Bộ luật Hình sự.

[7] Về trách nhiệm dân sự: Ông Trung A đã nhận lại chiếc xe ô tô. A B đã nhận đủ số tiền 50.000.000 đồng do các chị gái của bị cáo trả, trong đó chị Nguyễn Thị Y (trả số tiền 30.000.000 đồng) và Nguyễn Thị H (trả số tiền 20.000.000 đồng), các chị không yêu cầu bị cáo phải trả lại số tiền này. Đến nay, không ai yêu cầu gì về trách nhiệm dân sự đối với bị cáo nữa nên Hội đồng xét xử không xem xét. Trường hợp, sau này nếu có trA chấp về số tiền trên sẽ được giải quyết bằng vụ án dân sự khác khi có yêu cầu.

[8] Đối với chiếc xe ô tô nhãn hiệu Toyota Innova, màu sơn trắng, biển kiểm soát 98A-040.96 và các giấy tờ xe liên quan là vật chứng của vụ án: quá trình điều tra xác định chiếc xe trên đăng ký mang tên A Nguyễn Văn A đến năm 2020 được bán lại cho A Nguyễn Văn H và đến tháng 04/2021, ông Nguyễn Trung A mua lại chiếc xe trên từ A Học nên ông A là chủ sở hữu hợp

pháp của chiếc xe. Ngày 07/3/2022, Cơ quan cảnh sát điều tra đã ra quyết định xử lý vật chứng trả lại cho ông Nguyễn Trung A chiếc xe ô tô biển kiểm soát 98A-040.96 cùng các giấy tờ xe là phù hợp với khoản 2 Điều 47 của Bộ luật Hình sự và điểm b khoản 3 Điều 106 của Bộ luật Tố tụng hình sự.

[9] Đối với số tiền 16.000.000 đồng bị cáo đã trả ông A, cả hai đều xác định là tiền thuê xe và không có yêu cầu gì về số tiền này. A Phạm Ngọc B và vợ là chị Lý Thị H, A Hoàng Văn T và bạn gái là Mạc Thị H và chị Dương ThA N đều không biết việc bị cáo chiếm đoạt chiếc xe của A Trung nên không vi phạm pháp luật. Ngoài ra, Nguyễn Thái T còn bị A Nguyễn Văn H, sinh năm 1980, trú tại thôn Cầu Trong, xã MT, huyện LG, tỉnh BG tố giác về hành vi chiếm đoạt chiếc xe ô tô nhãn hiệu Chevrolet, biển kiểm soát 98A-052.94 của A H. Tuy nhiên, ngày 18/5/2022, Cơ quan cảnh sát điều tra Công an thành phố BG đã chuyển đơn tố giác và tài liệu liên quan đến Cơ quan cảnh sát điều tra Công an huyện LG để giải quyết theo thẩm quyền, vụ việc đến nay chưa có quyết định giải quyết nên Hội đồng xét xử không có căn cứ xem xét.

[10] Về án phí: Căn cứ khoản 2 Điều 135, khoản 2 Điều 136 của Bộ luật Tố tụng hình sự và điểm a khoản 1 Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội, buộc bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm.

[11] Cần tiếp tục tạm giam 45 ngày đối với bị cáo T để đảm bảo thi hành án theo quy định tại Điều 329 và tuyên quyền kháng cáo, kháng nghị theo quy định tại Điều 331; Điều 333; khoản 1 Điều 337 của Bộ luật Tố tụng hình sự.

[12] Xét đề nghị của Kiểm sát viên tại phiên tòa về tội dA, điều khoản, tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự, mức hình phạt đối với bị cáo và các vấn đề khác trong vụ án là phù hợp, có căn cứ nên cần chấp nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ điểm c khoản 2 Điều 175; điểm b, s khoản 1 và khoản 2 Điều 51; khoản 1 Điều 38 của Bộ luật Hình sự.

Căn cứ Điều 106; khoản 2 Điều 135; khoản 2 Điều 136; Điều 331; Điều 333; khoản 1 Điều 337 của Bộ luật Tố tụng hình sự;

Căn cứ điểm a khoản 1 Điều 23 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Về hình phạt: Xử phạt bị cáo Nguyễn Thái T **02** (Hai) năm tù về tội *"Lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản"*, thời hạn tù tính từ ngày 08/02/2022.

Không áp dụng hình phạt bổ sung bằng tiền đối với bị cáo T.

2. Về án phí: Bị cáo Nguyễn Thái T phải chịu 200.000 đồng tiền án phí hình sự sơ thẩm.

3. Quyền kháng cáo, kháng nghị: Bị cáo, bị hại, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được tống đạt hoặc niêm yết bản án theo quy định. Thời hạn kháng nghị đối với bản án của Viện kiểm sát cùng cấp là 15 ngày, của Viện kiểm sát cấp trên T tiếp là 30 ngày kể từ ngày tuyên án.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6,7,7a,7b, 9 của Luật thi hành án dân sự. Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 của Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh BG;
- VKSND tỉnh BG;
- VKSND thành phố BG;
- Chi cục THADS thành phố BG;
- Bị cáo; người tham gia tố tụng;
- Công an thành phố BG;
- Sở tư pháp tỉnh BG;
- Trại tạm giam Công an tỉnh BG;
- UBND phường, xã nơi cư trú bị cáo;
- Lưu HS, VP.

T/M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - chủ tọa phiên tòa

Nguyễn Thị Thu Hằng